

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2022/DS-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Minh Tuấn.

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ 27 đường Thành Thái - Phường 14 Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thụ lý số 66/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2022/HPT- DS ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Trụ sở: Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà T.(vắng mặt)

Địa chỉ: đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng A, các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 27/12/2017, bà T đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng A.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà T trả nợ, nhưng bà T vẫn không thực hiện. Gần đây, bà T có biểu hiện bất hợp tác, tìm cách lẩn tránh và không thiện chí giải quyết nợ vay tín dụng với Ngân hàng.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A), sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A) từ ngày 24/6/2020.

Tổng số tiền bà T còn nợ A Bank tạm tính đến ngày 29/9/2022 là: 86.607.858 đồng (bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng), gồm nợ gốc: 42.678.183 đồng, lãi: 43.929.675 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng A của bà T đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A.

II. Đề nghị:

Ngân hàng A kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các yêu cầu đối với người bị kiện như sau:

Tuyên buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng A với bà T tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là: 86.607.858 đồng (bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng), gồm nợ gốc: 42.678.183 đồng, lãi: 43.929.675 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà T vẫn phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà T vẫn không trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ

quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cũng như quy định của pháp luật.

Bị đơn bà T đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa hòa giải, vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện các thủ tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc Ngân hàng A và bà T ký Hợp đồng tín dụng để bà T vay tiền tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng A có giấy ủy quyền cho ông N đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của ông N; tại phiên tòa ngày hôm nay, ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn- bà T, sinh năm có địa chỉ tại: đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo xác minh của công an Phường 12, Quận 10 thì bà T đã bán nhà từ năm 2014, hiện nay về ở tại căn hộ chung cư Lexington phường An Phú, Quận 02 (nay là thành phố Thủ đức) Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng Công an phường An Phú, Quận 02 (nay là thành phố Thủ đức) xác minh: bà T không có cư ngụ tại căn hộ chung cư Lexington phường An Phú, Quận 02 (nay là thành phố Thủ đức) Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy xác định địa chỉ tại: đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà T. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b,

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 27/12/2017, bà T đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng A.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà T trả nợ, nhưng bà T vẫn không thực hiện. Gần đây, bà T có biểu hiện bất hợp tác, tìm cách lẩn tránh và không thiện chí giải quyết nợ vay tín dụng với Ngân hàng.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A), sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A) từ ngày 24/6/2020.

Tổng số tiền bà T còn nợ A Bank tạm tính đến ngày 29/9/2022 là: 86.607.858 đồng (bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng), gồm nợ gốc: 42.678.183 đồng, lãi: 43.929.675 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng A của bà T đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A.

Ngân hàng A kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các yêu cầu đối với người bị kiện như sau:

Tuyên buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng A với bà T tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là: 86.607.858 đồng (bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng), gồm nợ gốc: 42.678.183 đồng, lãi: 43.929.675 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà T vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà T vẫn không trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ

quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cũng như quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo qui định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy Ngân hàng A yêu cầu tòa án xét xử, buộc bà T thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày đến ngày 29/9/2022, số tiền là: 86.607.858 đồng (bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng), gồm nợ gốc: 42.678.183 đồng, lãi: 43.929.675 đồng. Bà T còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn kể từ ngày 30/9/2022 cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1,5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà T phải thanh toán ngay, dứt điểm cho Ngân hàng A số tiền còn thiếu nợ tính đến ngày 29/9/2022, số tiền là: 86.607.858 (Tám mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm năm mươi tám) đồng, gồm nợ gốc: 42.678.183

đồng, lãi: 43.929.675 đồng. Bà T còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn kể từ ngày 30/9/2022 cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 4.330.392 (bốn triệu, ba trăm ba mươi nghìn, ba trăm chín mươi hai) đồng, bà T chịu.

Ngân hàng A không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 1.761.493 đồng cho Ngân hàng A theo biên lai thu số AA/2021/0018446 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại tòa. Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự vắng mặt tại tòa nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Tuấn